

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2

MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 11

Năm học: 2024-2025

TT		Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức										Tổng % điểm
				Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng				
				TNKQ			TNKQ			TNKQ			Tự luận	
				Dạng I	Dạng II	Dạng III	Dạng I	Dạng II	Dạng III	Dạng I	Dạng II	Dạng III		
1	TRẮC NGHIỆM 3 dạng 7 điểm	NHẬT BẢN	– Vị trí địa lí	1			1							0,5
2			- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên		1								0,25	
			- Dân cư và xã hội	1	1				1		1		1.0	
			Tình hình phát triển kinh tế		1		1						0,5	
			Các ngành kinh tế	1	1		1				1		1.0	
			Các vùng kinh tế											
3		TRUNG QUỐC	– Lãnh thổ và vị trí địa lí	1			1	1						0,75

			– Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	1			1	2						1,0
			– Dân cư và xã hội	1				1		1		1		1,0
			– Các vùng kinh tế											
			- Đặc điểm kinh tế chung của nền kinh tế	1										0,25
			- Các ngành kinh tế	1			1					1		0,75
4	Tự luận 3 điểm	NHẬT BẢN											2*	
		TRUNG QUỐC											2*	3.0
Tổng hợp chung			Số câu/Lệnh hỏi	8	4	0	6	4	0	2	0	4	2	
			Điểm	2.0	1.0	0.0	1.5	1.0	0.0	0.5		1.0	3.0	100
				3.0%			2.5%			1.5%			3.0 %	

Lưu ý:

- TNKKQ: + Dạng I (16 câu – 4đ)
+ Dạng II (2 câu - 2đ)
+ Dạng III (4 câu – 1đ). Theo thứ tự các công thức sau:

1. Tính tốc độ tăng trưởng
2. Tính tỉ trọng
3. Tính giá trị từ %
4. Tính giá trị, hoặc cán cân xuất nhập khẩu.

Tự luận: 3 điểm: Vẽ và nhận xét biểu đồ KẾT HỢP (đề cho sẵn số liệu đã xử lí %)

2* có thể ra nội dung trong bài NHẬT BẢN HOẶC TRUNG QUỐC.

BẢNG NĂNG LỰC VÀ MỨC ĐỘ TƯ DUY

	TRẮC NGHIỆM: 70%									TỰ LUẬN: 30%	
	Dạng thức 1 16 Câu (4,0 điểm)			Dạng thức 2 2 Câu (2 điểm)			Dạng thức 3 4 Câu (1 điểm)			Vẽ biểu đồ (1 điểm)	Nhận xét biểu đồ (1.0 điểm)
Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		
Số lệnh hỏi	8	8	0	2	4	2		2	2		
Điểm	2.0	2.0	0.0	2.0				0.5	0.5	2.0	1.0
Tổng điểm	4.0			2,0			1.0			2,0	1.0
Tỉ lệ	100%										

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN: ĐỊA LÍ

1	Nhật Bản	– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên – Dân cư, xã hội – Kinh tế – Hoạt động kinh tế đối ngoại	Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội - Trình bày được sự phát triển, phân bố các ngành kinh tế Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng – Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét.
----------	-----------------	---	---

			Vận dụng cao – Giải thích được tình hình phát triển kinh tế; so sánh các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật – Trình bày được những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại.
2	Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)	– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên – Dân cư, xã hội – Kinh tế – Sự thay đổi của nền kinh tế	Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội - Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế của Trung Quốc. Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh - xã hội. – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. – Trình bày được vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới; Vận dụng – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét. Vận dụng cao - Phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế. – Trình bày được những thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải.